

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4995/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục số hóa thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ
Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công

quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-BKHHCN ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 4417/TTr-SKHHCN ngày 25 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với 56 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (chi tiết tại phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục

**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA THỰC HIỆN THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
Lĩnh vực Hoạt động Khoa học và Công nghệ			
1	2.000079.000.00.00.H29	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	1) Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; 2) Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.
2	2.002144.000.00.00.H29	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	1) Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; 2) Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.
3	1.006842.000.00.00.H29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyên giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học	Văn bản đề nghị đăng ký chuyên giao công nghệ.

		và Công nghệ)	
4	2.002249.000.00.00.H29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
5	2.002544.000.00.00.H29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg.
6	2.002546.000.00.00.H29	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg.
7	2.002548.000.00.00.H29	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg.
8	1.012353.000.00.00.H29	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	1) Văn bản đề nghị xác định công nghệ; 2) Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực.
9	2.002609.000.00.00.H29	Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, trong đó có

		hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	cam kết về việc chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án đầu tư nhận được kết quả đánh giá không đạt yêu cầu.
10	2.002502.000.00.00.H29	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1) Công văn đề nghị Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí đã nộp vào Quỹ; 2) Thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
11	1.008377.000.00.00.H29	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	Phiếu đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức.
12	2.000058.000.00.00.H29	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Đơn đăng ký đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ.
13	1.008379.000.00.00.H29	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác	Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.
14	1.004460.000.00.00.H29	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.
15	1.004467.000.00.00.H29	Thủ tục Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa	Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa

		học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh	học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước.
16	1.011818.000.00.00.H29	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
17	2.000119.000.00.00.H29	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước.
18	2.002278.000.00.00.H29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
19	2.001525.000.00.00.H29	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Giấy đề nghị cấp thay đổi nội dung/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
20	1.002935.000.00.00.H29	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1) Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân theo mẫu BM I.1. 2) Bản cam kết về quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (Đối với trường hợp không có

			tài liệu chứng minh) theo mẫu BM I.2.
21	2.001164.000.00.00.H29	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu BM II.1.
22	2.001148.000.00.00.H29	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Đơn đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến theo mẫu BM III.1.
23	1.011816.000.00.00.H29	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực theo mẫu BM II.1.
24	2.001143.000.00.00.H29	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
25	2.001179.000.00.00.H29	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Văn bản đề nghị xác nhận.
26	1.001786.000.00.00.H29	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
27	1.001770.000.00.00.H29	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ.
28	1.001747.000.00.00.H29	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa

		chức khoa học và công nghệ	học và công nghệ.
29	1.001716.000.00.00.H29	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.
30	1.001693.000.00.00.H29	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động.
31	1.001677.000.00.00.H29	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động.
32	2.001137.000.00.00.H29	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
33	1.002690.000.00.00.H29	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
34	2.001643.000.00.00.H29	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân			
35	2.002385.000.00.00.H29	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong	Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y

		y tế.	tế.
36	2.002383.000.00.00.H29	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1) Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; 2) Phiếu khai báo thiết bị bức xạ mới đối với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ.
37	2.002384.000.00.00.H29	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.
38	2.002382.000.00.00.H29	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.
39	2.002381.000.00.00.H29	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; 2) Phiếu khai báo đối với nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất).
40	2.002380.000.00.00.H29	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; 2) Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn. 3) Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế.
41	2.002379.000.00.00.H29	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X- quang chẩn đoán trong y tế).	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ.

Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			
42	1.003542.000.00.00.H29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 05 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP).
43	2.001483.000.00.00.H29	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 06 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP).
44	1.011939.000.00.00.H29	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.
Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng			
45	2.000212.000.00.00.H29	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.
46	1.000449.000.00.00.H29	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.
47	2.002253.000.00.00.H29	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	Giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá.
48	2.001209.000.00.00.H29	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Bản công bố hợp chuẩn.
49	2.001207.000.00.00.H29	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Bản công bố hợp chuẩn.
50	2.001277.000.00.00.H29	Thủ tục đăng ký công bố	Bản công bố hợp quy.

		hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	
51	2.001208.000.00.00.H29	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp.
52	2.001100.000.00.00.H29	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định.
53	2.001501.000.00.00.H29	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định.
54	2.001269.000.00.00.H29	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia	Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.
55	2.001259.000.00.000.H29	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	1) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP tại cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; 2) Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).

56	1.001392.000.00.00.H29	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Văn bản đề nghị miễn kiểm tra với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính.
----	------------------------	---	--

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ